

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830401] - Kỹ thuật điện tử ứng dụng (CCQ2305A,B)

CBGD: Nguyễn Thị Kim Ngân (280008)

Số SV có mặt: 20...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Thị Kim Ngân

Nguyễn Thị Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		Bac			7,7
2	2123050044	Lê Thế Chung	07/08/2005	CCQ2305A		Chung			5,8
3	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A		Duy			6,5
4	2123050019	Nguy Thành Giảng	01/05/2005	CCQ2305A		Ar			6,8
5	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A		Hai			7,7
6	2123050010	Nguyễn Thế Hùng	24/04/2004	CCQ2305A					Nghi?
7	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A					5,2
8	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng	15/09/2005	CCQ2305A		Quat			7,0
9	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A		Khang			5,4
10	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		Kiet			7,8
11	2123050020	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A		Ly			6,3
12	2123050007	Vũ Văn Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		Manh			7,7
13	2120240108	Hồ Lê Hoàng Nam	13/09/2002	CCQ2005D		Nam			5,0
14	2123050033	Phạm Đình Phúc	23/09/2005	CCQ2305A					Nghi?
15	2123050032	Phạm Minh Quý	03/03/2004	CCQ2305A		Qua			7,7
16	2123050028	Nguyễn Minh Sang	03/06/2005	CCQ2305A		Sang			7,3
17	2123050009	Nguyễn Thái Sơn	02/06/2005	CCQ2305A		Son			7,8
18	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A		Tan			5,2
19	2123050040	Võ Chí Thanh	06/03/2005	CCQ2305A					2,6
20	2123050185	Nguyễn Chí Thông	17/08/2002	CCQ2305A		Thong			6,1
21	2119050065	Trần Văn Tuấn	15/11/2001	CCQ1905B		Tuan			6,4
22	2119050069	Phan Thế Vỹ	20/09/2001	CCQ1905B		Vy			7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830402] - Kỹ thuật điện tử ứng dụng (CCQ2305C,D)

CBGD: Nguyễn Thị Kim Ngân (280008)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050094	Đinh Hoàng Chí	11/10/2004	CCQ2305C					Nghe?
2	2123050133	Hán Nhật Cường	31/07/2005	CCQ2305C					7,7
3	2123050115	Trương Quốc Dũng	19/05/2005	CCQ2305C		Dũng			6,9
4	2123050139	Trần Đức Hải	01/06/2005	CCQ2305C		Hải			8,0
5	2123050134	Bá Trung Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C					7,7
6	2123050136	Nguyễn Văn Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C		Hieu			6,7
7	2123050128	Trần Duy Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C		Hieu			5,8
8	2123050092	Phạm Ngọc Huân	21/04/2005	CCQ2305C		Huân			5,1
9	2123050099	Nguyễn Thanh Hùng	17/06/2003	CCQ2305C		Hùng			8,1
10	2123050110	Đỗ Tấn Khoa	06/11/2005	CCQ2305C		Khoa			6,6
11	2123050135	Bá Trung Lễ	05/08/2005	CCQ2305C		Lê			7,8
12	2123050138	Phạm Nguyễn Công Luận	30/01/2005	CCQ2305C		Luân			6,8
13	2123050109	Lâm Văn Lực	29/01/2005	CCQ2305C		Lực			5,2
14	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng Nhật	17/04/2005	CCQ2305C		Nhật			6,4
15	2123050100	Nguyễn Trung Niên	16/12/2004	CCQ2305C		Niên			5,4
16	2123050126	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C		Ninh			5,0
17	2123050121	Mai Võ Tuấn Phong	10/09/2005	CCQ2305C		Phong			6,3
18	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C		Phúc			5,6
19	2123050125	Nguyễn Hoàng Phúc	08/09/2005	CCQ2305C		Phúc			5,0
20	2123050130	Nguyễn Thanh Phúc	25/03/2004	CCQ2305C		Phúc			5,0
21	2123050095	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C		Quân			8,4
22	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C		Quang			5,5
23	2123050107	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C		Quốc			6,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830404] - Kỹ thuật điện tử ứng dụng (CCQ2305A,B)

CBGD: Nguyễn Thị Kim Ngân (280008)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

ngm

ngm

Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B		Bình			7,4
2	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B		Cang			6,7
3	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A		Dân			5,0
4	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đặng	24/07/2005	CCQ2305B		Đặng			5,0
5	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B		Danh			7,6
6	2123050072	Võ Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B		Đạt			8,6
7	2123050184	Tô Tiến	Dũng	25/09/2005	CCQ2305A		Tiến Dũng			5,3
8	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B		Hải			5,8
9	2123050155	Đinh Long	Hồ	16/07/2005	CCQ2305B					Nghe?
10	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B		Hội			5,0
11	2123050057	Trần Phúc	Hưng	18/08/2005	CCQ2305B		Hưng			7,1
12	2123050079	Phùng Nhất	Huy	30/07/2005	CCQ2305B					Nghe?
13	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B		Kha			6,0
14	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B		Khoa			5,6
15	2123050034	Phạm Hoàn	Thiện	19/01/2005	CCQ2305A				Nghe?	-
16	2123050039	Trương Truyền	Thống	14/07/2005	CCQ2305A				Nghe?	-
17	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A		Toàn			6,9
18	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A		Trí			5,7
19	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A		Trung			5,9
20	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A		Trường			6,5
21	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A		Tú			5,0
22	2123050031	Hồ Viết Quốc	Tuấn	27/11/2005	CCQ2305A				Nghe?	-
23	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A		Vỹ			8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830407] - Kỹ thuật điện tử ứng dụng (CCQ2305A,B)

CBGD: Nguyễn Thị Kim Ngân (280008)

Số SV có mặt: 23

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Thị Kim Ngân

Nguyễn Thị Kim Ngân

Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2120200002	Đoàn Hữu	Bằng	30/10/2002	CCQ2005D		<i>Đoàn Hữu</i>			6,7
2	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B		<i>Nguyễn Trần Đăng</i>			7,1
3	2123050089	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/2005	CCQ2305B		<i>Lâm</i>			5,0
4	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B		<i>Long</i>			6,4
5	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B		<i>Nguyễn Thành</i>			6,6
6	2123050078	Bùi Đình	Luật	20/10/2002	CCQ2305B		<i>Bùi Đình</i>			6,3
7	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B				<i>Nghĩa</i>	-
8	2123050053	Đinh Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B		<i>Nghiệp</i>			7,1
9	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B		<i>Phạm Trọng</i>			5,0
10	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B		<i>Hán Ngọc</i>			6,6
11	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B		<i>Phong</i>			7,1
12	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B		<i>Cao Xuân</i>			5,7
13	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B		<i>Trần Anh</i>			5,5
14	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Sơn	28/10/2005	CCQ2305B		<i>Nguyễn Đoàn Trường</i>			6,8
15	2123050055	Trần Thanh	Tâm	30/10/2005	CCQ2305B					4,0
16	2120110097	Huỳnh Văn	Thà	26/05/2002	CCQ2005D		<i>Thà</i>			5,2
17	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B					3,8
18	2123050085	Nguyễn Quang	Thịnh	02/02/2005	CCQ2305B				<i>Nghĩa</i>	-
19	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B		<i>Thoại</i>			5,3
20	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B		<i>Thông</i>			7,1
21	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B		<i>Trí</i>			5,4
22	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B		<i>Lê Anh</i>			5,7
23	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B		<i>Tuyển</i>			5,1
24	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B		<i>Văn</i>			6,2
25	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B		<i>Ý</i>			5,0